

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-PT
Ngày 25/9/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Nông Đức Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Chung Thị Bích Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLPT-DS ngày 03/9/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Cao Bằng bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2025/QĐPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2025/QĐ-PT ngày 17/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mã Thị Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, TT N, huyện N, tỉnh Cao Bằng. (Nay là Tổ 2, xã N, tỉnh Cao Bằng) Có mặt.

Bị đơn: Bà Hà Thị S; sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng. (Nay là xóm P, xã N, tỉnh Cao Bằng); Tạm trú tại: Tổ A, xã N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Bà Hà Thị B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng. (Nay là xóm P, xã N, tỉnh Cao Bằng) Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Mã Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mã Thị Đ trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên ngày 29/01/2019, bà cho bà Hà Thị S vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay, không tính lãi suất, bà S đã viết giấy nợ tiền và ký tên. Đến hạn trả nợ, bà S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà S thanh toán nhưng từ đó đến nay bà S cố tình trốn tránh không trả cho bà Đ như trong giấy nợ tiền. Do đó, bà Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Hà Thị S phải thanh toán cho bà toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất từ thời điểm vay tiền cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Hà Thị S vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai trình bày: Bà có vay tiền của bà Mã Thị Đ 60.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng và xây nhà. Trong giấy nợ tiền mặc dù không ghi lãi suất tuy nhiên vẫn phải trả lãi suất thoả thuận ngoài là 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Sau đó, do không có khả năng trả được nên chị gái của bà là Hà Thị B đã trả giúp cho bà tiền gốc 44.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng, nay số tiền nợ gốc chỉ còn 16.000.000 đồng. Bà nhất trí sẽ trả số tiền gốc còn lại khi có điều kiện. Ngoài ra, bà không nhất trí với yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi như bà Đ đã trình bày.

Người làm chứng Hà Thị B vắng mặt tại phiên tòa, trong biên bản ghi lời khai trình bày: Bà đã được trả nợ giúp cho bà S số tiền 44.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền lãi thanh toán cho bà Mã Thị Đ nhưng không có giấy tờ gì, chỉ có biên bản ghi lời khai của bà trong hồ sơ vụ án hình sự Cho vay lãi trong giao dịch dân sự mà bà Mã Thị Đ bị khởi tố.

Tòa án tổ chức phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà S luôn vắng mặt và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà S không uỷ quyền cho người khác đại diện và cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên họp, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 60.000.000đ và lãi như sau: Lãi của nợ gốc 60.000.000đ từ ngày 29/01/2019 đến nay theo quy định của N hàng Nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Mã Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị S phải trả nợ số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cao Bằng phát biểu ý kiến quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Thị Đ; buộc bị đơn bà Hà Thị S phải trả cho bà Mã Thị Đ số tiền nợ gốc còn lại là 16.000.000 đồng. Các bên đương sự phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào “Giấy nợ tiền” ngày 29/01/2019, lời trình bày của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, người làm chứng đã thể hiện Bà Hà Thị S có vay tiền của bà Mã Thị Đ số tiền 60.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, không tính lãi suất. Đến nay đã quá hạn trả nợ được thoả thuận trong giấy nợ tiền, tuy nhiên bà S không thực hiện việc trả nợ cho bà Đ như đã cam kết, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền mà hai bên đã thoả thuận. Theo Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận”.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tiền nợ gốc: Bị đơn bà S thừa nhận được vay của bà Đ số tiền 60.000.000 đồng nhưng bà đã thanh toán được 44.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi 15.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà Đ 16.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tuy nhiên bà S không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc trả nợ của mình. Phía nguyên đơn, bà Đ, không thừa nhận việc trả nợ này. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị B (chị gái của bà S) có cung cấp thông tin về việc đã được trả nợ thay cho em gái số tiền như trên (sự việc này được thể hiện trong hồ sơ hình sự Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bà Mã Thị Đ bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh C khởi tố), có nhiều lời khai của bà Đ thừa nhận việc thanh toán nợ giữa bà S, bà B với bà Đ. Toà án đã tiến hành sao chụp tài liệu chứng cứ trên tại hồ sơ đang lưu trữ và có xác nhận đóng dấu treo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra, tại phiên toà bà Đ cũng thừa nhận “Giấy nợ tiền” ngày 29/01/2019 mà bà cung cấp cho Toà án kèm theo đơn khởi kiện không phải được bà S viết vào ngày 29/01/2019 mà do bà yêu cầu bà Đ viết vào cuối năm 2024. Bà Đ trình bày, do thời điểm đó bà S thiếu tiền cần trả nợ ngân hàng nên muốn bán đất, do có quan hệ họ hàng nên bà Đ đã ngỏ lời muốn mua đất với bà S và đưa trước cho bà S 60 triệu đồng tiền đặt cọc. Tuy nhiên, sau đó bà S cố tình trốn tránh không chịu làm hợp đồng bán đất mà trốn xuống dưới xuôi làm công nhân, khi bà S quay về N thì bà Đ mới yêu cầu bà S viết lại giấy nợ tiền này.

Tại phiên toà lần thứ nhất, Hội đồng xét xử đã hỏi bà Đ: “về Giấy nợ tiền ngày 29/01/2019 giữa bà và bà S lập khi nào ? Khi cơ quan điều tra khám xét tại nhà của bà tại sao không có giấy nợ tiền này ?” thì bà Đ trả lời rằng “bà để quên ở trường học nơi bà đang công tác nên không xuất trình cho cơ quan điều tra”. Tuy nhiên, tại phiên toà lần thứ hai bà Đ trình bày “giấy nợ tiền” này là cuối năm 2024 bà yêu cầu bà S phải viết lại. Như vậy, không có sự khớp nhau giữa các lần khai của bà Đ về thời gian viết giấy nợ. Ngoài ra, những lời khai của bà Đ trong hồ sơ vụ án hình sự tuy không khớp nhau về hai số tiền 160.000.000 đồng và 60.000.000 đồng. Nhưng lại khớp nhau về số tiền 44.000.000 đồng tiền gốc mà bà Hà Thị B đã trả nợ bà Đ thay cho em gái Hà Thị S.

Về những lời khai của bà Đ trong hồ sơ vụ án hình sự Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà Toà án đã thu thập được. Bà Đ thừa nhận đó là những lời khai của bà, tuy nhiên bà cho rằng đây là do bà bị cơ quan điều tra ép buộc bà phải viết và đính chính lại lời khai cho khớp với lời khai của những người khác liên quan đến vụ án. Bà Đ cho rằng số tiền 160.000.000 đồng bà cho bà S vay trong vụ án hình sự trên không liên quan đến số tiền 60.000.000 đồng mà bà khởi kiện tại Toà án. Hội đồng xét xử nhận thấy, sự việc bà S đã trả 44.000.000 đồng tiền nợ gốc cho bà Đ là có căn cứ, khớp với lời khai của người làm chứng Hà Thị B cũng như lời khai trong hồ sơ vụ án hình sự. Còn việc bà Đ cho rằng bà S chưa thanh toán cho bà Đ đồng nào trong số tiền vay 60.000.000 đồng là không có cơ sở; việc bà Đ trình bày bị cơ quan điều tra ép buộc thay đổi lời khai là không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Mã Thị Đ, buộc bị đơn bà Hà Thị S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Đ số tiền nợ gốc còn lại là 16.000.000 đồng.

Về tiền lãi:

Căn cứ Giấy nợ tiền và lời khai của của các đương sự xác định được thời điểm xác lập giấy nợ tiền là ngày 29-01-2019. Thời hạn vay 01 tháng, ngày 01/3/2019 bà S phải trả cho bà Đ số tiền đã vay (trong giấy nợ tiền có ghi thời hạn trả nợ là ngày 29/02/2019, tuy nhiên năm 2019 không phải năm nhuận không có ngày 29/02). Khi hết thời hạn vay, bà S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, bà Đ đã đòi nhiều lần nhưng không được. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Ngày 02-10-2024, bà Đ nộp đơn khởi kiện tại Toà án, do đó tranh chấp về hợp đồng vay tài sản không còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà Đ chỉ có thể yêu cầu trả nợ gốc, không có căn cứ để yêu cầu trả lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DSST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Cao Bằng đã tuyên xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều

228, khoản 1 Điều 233, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Mã Thị Đ. Buộc bà Hà Thị S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc cho bà Mã Thị Đ là 16.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2025 Nguyên đơn Mã Thị Đ có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4-Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Giữ nguyên đơn kháng cáo và yêu cầu bà Hà Thị S trả lại số tiền 60.000.000đ; Tự nguyên không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 60.000.000đ.

Bị đơn và người làm chứng: Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Mã Thị Đ. Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cao Bằng theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị Đ. Buộc bà Hà Thị S phải trả số tiền 60.000.000 đồng cho bà Mã Thị Đ. Bà Hà Thị S phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ

thẩm. Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của Nguyên đơn.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ xác định được bà Hà Thị S vay bà Mã Thị Đ số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 29/01/2019, thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất, có lập “Giấy nợ tiền” ngày 29/01/2019 có chữ ký của các bên. Bà S cũng xác nhận được vay bà Đ 60.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng và xây nhà. Giao dịch giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, do đó, giao dịch có hiệu lực. Đến nay đã quá hạn trả nợ được thỏa thuận trong giấy nợ tiền, bà S chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà S phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ.

Bà B khai rằng đã trực tiếp thanh toán cho bà Đ số tiền 44.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi; Bà S cũng khai đã trực tiếp trả 45.000.000đ các lời khai nhưng không có bất cứ giấy tờ nào chứng minh giao dịch, không có người làm chứng xác nhận việc giao dịch; Lời khai có sự mâu thuẫn nên không được coi là căn cứ để cho rằng bà S đã thanh toán một phần trong số tiền vay nợ 60.000.000đ.

Bà S cho rằng bà B đã trả tiền bà Đ nhưng không cung cấp được chứng cứ hợp pháp. Do đó không có căn cứ để xác định khoản vay 60.000.000 đồng giữa bà Đ và bà S đã được thanh toán. Vì vậy, nghĩa vụ trả nợ của bà S cho bà Đ được xác định là vẫn còn.

Bà S và bà B khai tại Cơ quan điều tra khi giải quyết vụ án hình sự “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” rằng bà S có vay bà Đ số tiền 160.000.000 đồng, bà B đã trả cho bà Đ tổng cộng 144.000.000 đồng. Bà Đ cho rằng đây là hai khoản vay khác nhau, bà B đã trả đủ khoản vay 160.000.000 đồng, việc trả nợ này còn có chứng cứ chuyển khoản tại Ngân hàng 02 lần, lần 1 là: 100.000.000đ và lần 2 là 35.000.000đ. Xét thấy, việc bà B và bà S vay bà Đ số tiền 160.000.000 đồng ngoài lời khai không có tài liệu chứng cứ nào khác. Còn khoản vay 60.000.000 của bà S với bà Đ được lập “Giấy vay nợ” có chữ ký của các bên, là giao dịch hợp pháp, không liên quan đến khoản vay 160.000.000 đồng mà các bên đương sự đã khai nhận.

Hội đồng xét xử xác định, khoản vay 60.000.000 đồng và 160.000.000 đồng là hoàn toàn độc lập, không trùng nhau. Nên bà S phải có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 60.000.000 đồng. Yêu cầu kháng cáo của bà Đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà S trả cho bà Đ 16.000.000 đồng, và buộc bà Đ phải chịu án phí dân sự là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Mã Thị Đ tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với thời gian vay số tiền 60.000.000đ. Hội đồng xét xử đó là tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét phần lãi của khoản vay và thời gian vay.

Với những căn cứ, nhận định, đánh giá trên. Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận đơn kháng cáo của Bà Mã Thị Đ sửa toàn bộ Bản án số: 01/2025/DS-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cao Bằng.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Hà Thị S phải chịu án phí sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu kháng cáo của Mã Thị Đ. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Mã Thị Đ. Buộc mà Hà Thị S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 60.000.000 cho bà Mã Thị Đ.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Hà Thị S phải chịu 3.000.000đ án phí có giá ngạch sung vào công quỹ nhà nước.

Bà Mã Thị Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003068 ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cao Bằng).

Bà Mã Thị Đ không phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. *Bà Mã Thị Đ được hoàn lại số tiền 300.000đ tiền thu tạm ứng án phí phúc thẩm, theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số: 0000047 ngày 08/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 4 ;
- TAND khu vực 4 ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Khánh Dân